

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST.

Ngày 10/6/2019

V/v tranh chấp về
hôn nhân và gia đình - Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thời.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Vững.

Ông Trần Quốc Tỷ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Lê Duy Khánh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Ngày 10 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án Huyện mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 125/2019/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2019, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐXXST – HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1969.

- Bị đơn: Mai Thanh N, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Khóm 3, TT Mỹ An, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

Bà L có mặt; ông N vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2019, bà L trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông N tự nguyện đến với nhau và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 1993, không đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống vợ chồng, do bất đồng quan điểm nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, mục đích hạnh phúc vợ chồng không đạt được. Đã nhiều năm nay ông N đi làm ăn xa, rất ít khi về nhà nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Bà nhận thấy không còn tình cảm gì với ông N, hôn

nhân không thể hàn gắn, nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Mai Thanh N không phải là vợ chồng.

Về con chung: có 01 con chung tên Mai Nguyễn Minh H, sinh năm 20/01/2000. Hiện đang sống với bà và đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tài liệu, chứng cứ mà bà L nộp cho Tòa án bao gồm:

- *Chứng minh nhân dân của bà L (photo), 01 sổ hộ khẩu (photo), 01 giấy khai sinh Mai Nguyễn Minh H (photo).*

- ***Tại phiên tòa, ông N vắng mặt nhưng theo Tờ tự khai ngày 20/5/2019, ông N trình bày:***

Về hôn nhân: Ông và bà L quen biết nhau và tiến tới hôn nhân vào năm 1993. Vợ chồng có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Lý do không đăng ký kết hôn là không am hiểu pháp luật.

Thời gian vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Nhưng do công việc làm ăn thua lỗ dẫn đến tình cảm vợ chồng bất hòa với nhau. Từ năm 2014 đến nay, ông và bà L sống ly thân.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

Về nuôi con chung: trong thời gian chung sống hạnh phúc có 01 con chung tên Mai Nguyễn Minh H, sinh năm 2000. Cháu H đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tài liệu, chứng cứ ông N nộp cho Tòa án bao gồm:

- *01 Tờ tự khai ngày 20/5/2019 (bản chính), 01 Đơn xin vắng mặt xét xử (bản chính) .*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà L nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông N; Về con chung đã trưởng thành; Về tài sản chung không có; Về nợ chung không có; Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ kiện thuộc thẩm quyền của giải quyết của Tòa án huyện Tháp Mười.

Tại phiên tòa, ông N có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[2] Về nội dung:

Xét hôn nhân giữa bà L và ông N sống chung từ năm 1993, không đăng ký kết hôn. Nên hôn nhân giữa bà L và ông N vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình;

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”.

Tại phiên tòa, bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin không công nhận vợ chồng với ông N, ông N vắng mặt, Theo tự khai ngày 20/5/2019, ông N đồng ý ly hôn với bà L.

Theo khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này....”*.

Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông N.

- Về nuôi con chung: Con chung đã trưởng thành.
- Về chia tài sản: Không có.
- Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Bà L phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 1 Điều 227 Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Mai Thanh N.

2. Về nuôi con chung: con chung đã trưởng thành.

3. Về chia tài sản: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0007609, ngày 13/3/2019, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bà L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tháp Mười;
- Chi cục THADS huyện Tháp Mười;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thời